**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN**  Số: 2228/QĐ-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc Bắc Kạn, ngày 16 tháng 12 năm 2024 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện**

**Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025**

**trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ* *Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 06/12/2024 Hội nghị lần thứ 18 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) về nhiệm vụ năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp có trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng tiến độ yêu cầu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Bình** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**Thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,**

**đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025 tỉnh Bắc Kạn**

*(Kèm theo Quyết định số 2228/QĐ-UBND*

*ngày 16/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Năm 2025 là năm bứt phá, về đích thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển, các dự án đầu tư phát triển hạ tầng giao thông quan trọng tiếp tục được đầu tư, đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế - xã hội, các dự án phát triển công nghiệp từng bước phát huy hiệu quả đầu tư, các hoạt động du lịch tăng trưởng khá; công tác an sinh xã hội, người có công, giảm nghèo, bảo trợ xã hội được triển khai tích cực; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường,… Tuy nhiên, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn như năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu; dư địa tăng trưởng, năng suất lao động còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo cao; các yếu tố về cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực, khoa học công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường ảnh hưởng lớn đến các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém, kế thừa và phát huy những kết quả đạt được, nỗ lực phấn đấu đạt hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm 2025, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 05 năm 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**1. Mục đích**

- Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp định hướng của Chính phủ, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2025.

- Chương trình hành động là khung nhiệm vụ trọng tâm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025. Chương trình hành động là cơ sở tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá thường xuyên tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các ngành, địa phương.

**2. Yêu cầu**

- Các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động phải bám sát những chỉ đạo, định hướng tại Chỉ thị của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

- Triển khai đầy đủ, toàn diện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mà Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua.

- Các nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai đồng bộ, hiệu quả phát huy ưu điểm những mặt tích cực đồng thời phải khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn đã triển khai của năm 2024 và những năm trước. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2025. Đề cao người đứng đầu trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện.

**3. Các chỉ tiêu chủ yếu**

(1) Tăng trưởng kinh tế 8,5% trở lên, trong đó: Nông, lâm nghiệp tăng trưởng 4,3% trở lên; công nghiệp, xây dựng tăng trưởng 11,45% trở lên (công nghiệp tăng trưởng 13,5% trở lên, xây dựng tăng 10,5% trở lên); dịch vụ tăng trưởng 9,6% trở lên.

(2). GRDP bình quân đầu người/năm: 62,8 triệu đồng.

(3). Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.135 tỷ đồng.

(4). Trồng rừng: 3.500ha.

(5). Phát triển mới sản phẩm OCOP đạt 03 sao trở lên: 20 sản phẩm.

(6). Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm: 14 xã.

(7). Số hợp tác xã thành lập mới: 35 hợp tác xã.

(8). Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 98,5%.

(9). Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia: 98,5%.

(10). Số lao động được giải quyết việc làm mới: 6.400 lao động.

(11). Tỷ lệ giảm nghèo so với năm trước: 02 - 2,5%.

(12). Tỷ lệ giảm nghèo ở các huyện nghèo: 04 - 05%.

(13). Hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh.

(14) Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 05 tuổi: Thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi): ≤ 15%.

(15). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: ≥ 97%.

(16). Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm: 13 trường.

(17). Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông: > 90%.

(18). Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh: Tăng 01 bậc trở lên.

(19). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: Tăng 01 điểm trở lên.

(20). Chỉ số chuyển đổi số tăng 01 bậc trở lên; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 90%.

(21). Tỷ lệ tuyển quân, động viên quân nhân dự bị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng: 100%.

(22). Tỷ lệ tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm: 100%.

(23). Tỷ lệ điều tra, khám phá án: ≥ 80%.

(24). Giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội: ≥ 05%.

(25). Tai nạn giao thông đường bộ: Giảm cả 03 tiêu chí.

**II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1.** Tiếp tục tập trung thực hiện 04 chương trình trọng tâm của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII theo các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tại Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 30/9/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Kế hoạch số 828/KH-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Kiểm soát chặt chẽ công tác ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Tập trung chỉ đạo các đơn vị thực hiện hiệu quả giải pháp khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác cải cách hành chính.

- Các đơn vị, địa phương khẩn trương tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 gắn với xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030; dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2026; xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm giai đoạn 2026 - 2028 đảm bảo phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - hội của Trung ương và với Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ ngay từ đầu năm; nhất là các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, thu ngân sách Nhà nước năm 2025

**2. Thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế**

2.1. Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung chỉ đạo triển khai sản xuất nông nghiệp theo kế hoạch; tiếp tục rà soát chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường như lúa chất lượng cao, trồng rau thâm canh tăng năng suất và xây dựng mô hình sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao, cây dược liệu; cải tạo trồng bổ sung, thâm canh tăng năng suất cây ăn quả, cây chè mở rộng diện tích sản xuất theo quy trình VietGAP hoặc đạt tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi, đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa, áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững; giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật. Tiếp tục chuyển đất trồng lúa hiệu quả thấp sang các cây trồng khác có thị trường và hiệu quả cao hơn.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2020 - 2025. Khuyến khích phát triển chăn nuôi quy mô tập trung, an toàn dịch bệnh. Tham mưu thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực chăn nuôi. Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền Luật chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện tốt nội dung phương án phòng, dịch bệnh động vật trên cạn và động vật thủy sản; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát dịch bệnh, chất lượng con giống, thức ăn tại các địa phương; tăng cường công tác kiểm soát, kiểm dịch đối với nguồn con giống nhập vào địa bàn hoặc xuất bán vật nuôi theo quy định. Thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai, khắc phục hậu quả thiệt hại sản xuất nông nghiệp sau thiên tai.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách trong lĩnh vực lâm nghiệp theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ; thúc đẩy quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng và quy định sản xuất hàng hóa không gây mất rừng (EUDR) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển tín chỉ Các-bon rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Tăng cường ngăn chặn các điểm nóng về phá rừng, cháy rừng, không để xảy ra các vụ việc phức tạp trên địa bàn toàn tỉnh. Tiếp tục chỉ đạo Nhân dân trồng rừng; kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện chăm sóc rừng trồng theo quy định. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở sản xuất chế biến gỗ trên địa bàn.

- Tăng cường công tác quản lý, nâng cao sản lượng khai thác gỗ rừng trồng, sản lượng lâm sản ngoài gỗ; phát triển các loại cây dược liệu dưới tán rừng, dịch vụ thuê môi trường rừng phát triển du lịch, nhất là đối với rừng tự nhiên để nâng cao giá trị đóng góp từ rừng tự nhiên vào phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong thực hiện xây dựng nông thôn mới; tiếp tục xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; tăng cường sự tham gia của người dân trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2025; tiếp tục hướng dẫn, cơ chế chính sách thực hiện chương trình giai đoạn 2021 - 2025 theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai Chương trình OCOP theo kế hoạch và tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP tại các địa phương trong và ngoài tỉnh.

2.2. Phát triển công nghiệp - xây dựng

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các đề án, nhiệm vụ khuyến công năm 2025. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các dự án, nhà máy công nghiệp hoạt động, đầu tư đảm bảo công suất theo kế hoạch và tăng công suất trong những năm tiếp theo. Tập trung đôn đốc tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp và các công trình công nghiệp trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Tăng cường quản lý, đảm bảo an toàn trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản và an toàn vật liệu nổ công nghiệp theo quy định.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án hạ tầng kỹ thuật còn lại của Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn II và thực hiện dự án Khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn II; khẩn trương triển khai lập quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Chợ Mới 1, Khu công nghiệp Chợ Mới 2 để thu hút đầu tư; ưu tiên phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp từ nguồn xã hội hóa.

- Tăng cường quản lý nhà nước về các hoạt động sản xuất rượu, nhất là hoạt động sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh trên địa bàn tỉnh để tính đúng, tính đủ sản lượng sản xuất rượu trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà máy chế biến sâu khoáng sản trên địa bàn tỉnh đảm bảo nguyên liệu cho hoạt động sản xuất (chì kim loại, gang đúc, xỉ giầu mangan 40%). Hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến khoáng sản thực hiện điều chỉnh, mở rộng sản xuất. Hỗ trợ các dự án sản xuất vật liệu xây dựng hoạt động đủ công suất, đảm bảo tính cạnh tranh.

- Đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án thủy điện đã được cấp chủ trương đầu tư khẩn trương đầu tư xây dựng sớm đưa dự án vào vận hành phát điện.

- Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2025. Chỉ đạo các đơn vị, các chủ đầu tư tổ chức thực hiện quyết liệt, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện các dự án từ chuẩn bị đầu tư, đền bù, giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, sớm hoàn thành các dự án để bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng để sớm phát huy hiệu quả.

- Tăng cường thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách. Thường xuyên đôn đốc các dự án ngoài ngân sách đã được phê duyệt chủ trương đầu tư sớm triển khai giải ngân vốn đầu tư thực hiện; tiếp tục rà soát rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng các dự án đầu tư, công trình đầu tư xây dựng của người dân và doanh nghiệp góp phần tăng tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Khuyến khích các doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các dự án mới tạo dư địa tăng trưởng; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh tiến độ dự án đường cao tốc Chợ Mới - Bắc Kạn; tăng cường cấp phép các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ nhu cầu nguyên vật liệu tại chỗ cho dự án.

2.3. Phát triển thương mại - dịch vụ

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thương mại truyền thống và thương mại điện tử; kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định Nhà nước về giá hàng hóa tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại đảm bảo cung cấp đủ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu. Triển khai các chương trình, đề án về xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn trong và ngoài tỉnh; tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành chức năng và địa phương trong việc phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ mới.

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển đa dạng hóa thị trường, tranh thủ cơ hội xuất khẩu, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa của tỉnh, đồng thời thực hiện tốt các giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh đưa các sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử.

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2026; tiếp tục đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, liên kết phát triển du lịch của tỉnh; thực hiện tốt các đề án “Đề án phát triển Khu du lịch Ba Bể thành khu du lịch Quốc gia giai đoạn 2022 - 2030, định hướng đến năm 2050”; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch.

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch và lễ hội đảm bảo chu đáo, an toàn, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tăng cường tổng kết đánh giá các mô hình, đề án phát triển du lịch để tiếp tục hoàn thiện, tổ chức các hoạt động đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục nghiên cứu xây dựng các sản phẩm du lịch để thu hút khách du lịch đến với Bắc Kạn.

- Tiếp tục tăng cường các giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai, công tác giải phóng mặt bằng, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển khu dân cư, khu đô thị, cho thuê hạ tầng khu, cụm công nghiệp.

2.4. Về thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra của chương trình. Đánh giá tổng kết việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, tổ chức đoàn thể. Nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt toàn bộ các nhiệm vụ được giao đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phân bổ, giao chi tiết 100% kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ngay từ đầu năm; xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện, tập trung chỉ đạo triển khai hiệu quả các dự án, tiểu dự án của các chương trình đảm bảo đạt tiến độ theo kế hoạch đã đề ra; chủ động rà soát các dự án liên kết để kịp thời điều chỉnh bảo đảm hiệu quả nguồn vốn (hoặc đề xuất dừng thực hiện nếu dự án không thực sự hiệu quả); chủ động nghiên cứu, đề xuất thực hiện các dự án, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị có hiệu quả trong năm 2025. Đồng thời, chủ động xây dựng các dự án cho năm 2026 và các năm tiếp theo để có thể triển khai thực hiện được ngay khi có nguồn vốn.

- Các cấp, các ngành nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc lập, thẩm định dự án và các thủ tục đầu tư khác; các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, lựa chọn nhà thầu, tổ chức thi công, nghiệm thu thanh toán ngay khi có khối lượng, không thực hiện dồn thanh toán trong những tháng cuối năm; thực hiện giải ngân theo cam kết; chủ động, tập trung giải quyết khó khăn vướng mắc thuộc thẩm quyền; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ các xã triển khai thực hiện các nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện tốt của tổ công tác giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2.5. Công tác quy hoạch

- Đẩy nhanh tiến độ trình phê duyệt các Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch chung xây dựng các huyện, thành phố, xây dựng các xã, phường, thị trấn giai đoạn 2021 - 2030, định hường đến năm 2050.

- Khẩn trương triển khai hoàn thành quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng đảm bảo đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để tạo thuận lợi trong thu hút đầu tư.

2.6. Phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã

- Thường xuyên rà soát, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã củng cố, tổ chức bộ máy, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Luật Hợp tác xã.

- Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh; tăng cường công khai minh bạch các chính sách, pháp luật liên quan tới doanh nghiệp.

- Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư theo kế hoạch; đẩy mạnh công tác hỗ trợ sau đầu tư, đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện theo tiến độ đã cam kết; hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận đất đai, thực hiện các thủ tục sau đầu tư về đất đai, xây dựng, môi trường, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng...

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, tăng cường ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quá trình cấp tín dụng để rút ngắn quy trình thực hiện thủ tục vay vốn; thực hiện tốt Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp.

2.7. Thu, chi ngân sách

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp thu và chống thất thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh; tăng cường khai thác nguồn thu, chống thất thu ngân sách; chỉ đạo hoàn thiện thủ tục đấu giá đất, đảm bảo tiến độ hoàn thành thu tiền sử dụng đất theo dự toán.

- Thực hiện tốt Chương trình hành động nâng cao hiệu quả quản lý Tài chính - Ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025; thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, chủ động, tiết kiệm, đúng quy định và trong phạm vi dự toán được giao. Tiết kiệm chi ngân sách trong các khâu phân bổ, giao dự toán và thực hiện chi ngân sách. Tiết kiệm triệt để chi thường xuyên nhằm đảm bảo phù hợp cơ cấu giữa chi đầu tư và thường xuyên; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn; thực hiện tốt công tác quyết toán ngân sách.

**3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực - phát triển khoa học công nghệ**

3.1. Lao động, đào tạo nghề

- Thực hiện tốt công tác lao động việc làm theo kế hoạch, đôn đốc các địa phương, doanh nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tiếp tục thực hiện các chính sách, chương trình đào tạo nghề, nhất là cho lao động nông thôn, lao động tại các vùng khó khăn và các đối tượng chính sách. Tổ chức tốt công tác đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc.

- Đẩy mạnh giải quyết việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.2. Giáo dục, đào tạo

- Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 và 2025 - 2026. Tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục, giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh, sinh viên. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là hệ thống trường lớp học vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các trường học dự kiến đạt chuẩn quốc gia.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao tập trung nguồn lực, tháo gỡ khó khăn vướng mắc và tăng cường các biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo chỉ tiêu số trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025.

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các địa phương trong thực hiện mua sắm trang, thiết bị giáo dục, đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tiếp tục rà soát thiết bị dạy học hiện có của các nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức mua sắm, đảm bảo các nhà trường có đủ thiết bị dạy học; tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong mua sắm trang thiết bị cho các trường học.

- Tổ chức bữa ăn học đường tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đúng quy định.

3.3. Khoa học và công nghệ

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; nghiên cứu, phát triển các sản phẩm OCOP của địa phương.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030.

**4. Công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường**

- Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa về chính sách, pháp luật đất đai, tài nguyên và môi trường. Tiếp tục thực hiện việc đấu giá, đấu thầu các dự án có sử dụng đất. Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai.

- Tham mưu thực hiện các nội dung được giao quy định chi tiết trong Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành; xây dựng bảng giá đất lần đầu áp dụng từ 01/01/2026 theo quy định của Luật Đất đai năm 2024. Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa về chính sách, pháp luật đất đai, tài nguyên và môi trường. Tiếp tục thực hiện việc đấu giá, đấu thầu các dự án có sử dụng đất. Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai; sớm hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông, Chợ Mới. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030; phấn đấu giải quyết những vướng mắc về đất lâm nghiệp giữa người dân và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn.

- Tăng cường công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản đảm bảo theo đúng quy định, trong đó ưu tiên các dự án khai thác gắn với chế biến sâu trên địa bàn tỉnh gắn với công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, kịp thời ngăn chặn các hành vi có liên quan đến khai thác khoáng sản trái phép.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn, nâng cao chất lượng dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai. Chủ động phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kịp thời, ứng phó, khắc phục hiệu quả các sự cố, thiên tai và cứu nạn, cứu hộ.

**5. Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội**

5.1. Văn hóa, thể dục thể thao

- Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa. Thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc tỉnh Bắc Kạn. Triển khai các Quy hoạch di tích danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Hồ Ba Bể và vùng phụ cận và Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu Chợ Đồn.

- Tiếp tục triển khai nhiệm vụ xây dựng Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2030 theo kế hoạch. Tổ chức các giải thi đấu thể thao trong tỉnh và tham gia các giải thi đấu toàn quốc. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng; phát triển thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh.

5.2. Y tế - Chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra; triển khai tốt và có hiệu quả các chương trình/hoạt động lĩnh vực y tế - dân số, các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần về y tế thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tăng cường truyền thông về lựa chọn, sử dụng và bảo quản thực phẩm an toàn, giám sát xử lý vụ ngộ độc thực phẩm, hạn chế tối đa số vụ mắc và tử vong do ngộ độc thực phẩm; phối hợp tốt trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh tại các tuyến; thực hiện tốt nội quy, quy chế chuyên môn; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư, hóa chất, sinh phẩm, trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh. Tăng cường đào tạo, luân phiên cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới.

- Đẩy nhanh tiến độ mua sắm, đấu thầu, nhằm đảm bảo cung ứng đủ thuốc, thiết bị y tế, vật tư, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh. Đồng thời quản lý, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức trách nhiệm vụ tại các đơn vị; tăng cường thanh tra, kiểm tra y tế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về y tế.

- Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm xây dựng đội ngũ y bác sĩ, nhân viên y tế vững về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ.

5.3. An sinh xã hội

- Thực hiện đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, huy động và lồng ghép nguồn lực của Chương trình với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tập trung thực hiện mục tiêu giảm nghèo, nhất là tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn. Động viên, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội; kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện các công trình cấp điện nông thôn.

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 45-NQ/TU ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát với tinh thần trách nhiệm cao nhất theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, nhất là các thủ tục về đất đai.

- Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách đối với người có công với cách mạng; đảm bảo triển khai thực hiện tốt quyền trẻ em; tiếp tục thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới; đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Nâng cao hiệu quả quản lý tại cơ sở cai nghiện ma túy; phát triển các mô hình cai nghiện và quản lý sau cai có hiệu quả tại cộng đồng.

5.4. Công tác thông tin và truyền thông

- Cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền theo đúng chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh; chỉ đạo duy trì cập nhật thông tin cho chuyên trang Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn; đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, tạo đồng thuận, niềm tin xã hội góp phần tích cực trong phát triển kinh tế xã hội đảm bảo quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục triển khai Đề án tổng thể chuyển đổi số của tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Đẩy mạnh xây dựng, cập nhật, liên thông, kết nối các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; thúc đẩy tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp và giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

5.5. Dân tộc, tôn giáo

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị về vị trí nhiệm vụ của công tác dân tộc, việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc.

- Thực hiện tốt các chương trình, dự án, các chính sách dân tộc; triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025; tiếp tục triển khai tốt các chính sách về giáo dục, y tế, đào tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo.

- Quan tâm bố trí, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác dân tộc các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, ứng dụng chuyển đổi số trong công tác dân tộc.

- Tạo điều kiện, hướng dẫn cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo pháp luật. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, các phần tử lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, gây mất ổn định tình hình an ninh, trật tự, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

**6. Công tác nội chính**

6.1. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức bộ máy trong các cơ quan hành chính, cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính theo quy định. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ để phòng, chống tiêu cực và ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

6.2. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

- Thực hiện tốt kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra. Đổi mới công tác thanh tra, tập trung vào việc phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các vi phạm; kiến nghị sửa đổi. hoàn thiện cơ chế, chính sách... Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc đôn đốc, kiểm tra và xử lý sau thanh tra. Nâng cao chất lượng thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

- Nâng cao trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan nhà nước trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh; rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ, công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực hiện nghiêm các Quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

6.3. Công tác tư pháp

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính phù hợp và thống nhất với hệ thống văn bản pháp luật hiện hành. Tiếp tục đổi mới phương pháp, cách thức phổ biến giáo dục pháp luật.

**7. Quốc phòng - an ninh**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương về công tác quốc phòng - an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh Nhân dân vững chắc. Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025.

- Đảm bảo vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thực chất, hiệu quả; thực hiện tốt công tác dân vận, kịp thời phát hiện sớm các vấn đề nổi cộm, bức xúc trong nhân dân để giải quyết từ gốc, từ cơ sở nhất là đối với Nhân dân trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, có điều kiện đặc biệt khó khăn. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kiềm chế sự gia tăng tai nạn giao thông và cháy nổ.

*(Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo).*

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai xây dựng chương trình/kế hoạch hành động cụ thể của đơn vị, địa phương, gắn với thực hiện Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung công việc chủ yếu có chất lượng, đúng tiến độ thời gian quy định. Chương trình/kế hoạch hành động ban hành chậm nhất ngày 31/12/2024 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, theo dõi.

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo, tăng cường kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Chương trình hành động, đặc biệt là những nhiệm vụ quy định rõ thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành; nêu cao trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm công vụ trong giải quyết công việc. Quan tâm chỉ đạo công tác cập nhật tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao tại các Thông báo kết luận của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên hệ thống theo dõi thực hiện nhiệm vụ; triển khai thực hiện đầy đủ các ý kiến thẩm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong năm 2025. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo trước ngày 18 hằng tháng gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đôn đốc các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo tình hình thực hiện Chương trình hành động này và tình hình phát triển kinh tế xã hội - đảm bảo quốc phòng, an ninh; định kỳ hằng tháng, quý (trước ngày 20 hằng tháng) trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (chú ý báo cáo các nhiệm vụ, nội dung đã đến thời hạn hoàn thành).

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình tổ chức, thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình hành động, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ**

**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 2228/QĐ-UBND*

*ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

| **S**  **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị**  **chủ trì** | **Đơn vị**  **phối hợp** | **Thời gian thực hiện, hoàn thành** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm** |  |  |  |
| 1 | Báo cáo đánh giá, cập nhật tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh năm 2024 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành | Tháng 3/2025 |
| 2 | Chuẩn bị hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 05 năm giai đoạn 2025 - 2030 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành | Năm 2025 |
| 3 | Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh năm 2026 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 7 và tháng 11/2025 |
| 4 | Triển khai hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Thường xuyên |
| **II** | **Về phát triển kinh tế** |  |  |  |
| **1** | **Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản** |  |  |  |
| 1.1 | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn năm 2025 | Văn phòng Điều phối nông thôn mới | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 3/2025 |
| 1.2 | Kế hoạch thực hiện Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP) tỉnh Bắc Kạn năm 2025 | Văn phòng Điều phối nông thôn mới | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 3/2025 |
| 1.3 | Xây dựng Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn về phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 7/2025 |
| 1.4 | Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện chính sách tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 6/2025 |
| 1.5 | Tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 12/2025 |
| 1.6 | Tổng kết đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Theo hướng dẫn của  Trung ương |
| **2** | **Phát triển công nghiệp - xây dựng** |  |  |  |
| 2.1 | Đôn đốc các dự án công nghiệp đang đầu tư sớm hoạt động sản xuất (nhất là các dự án khai thác, chế biến khoáng sản; chế biến gỗ; sản xuất, gia công giày, dép) | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Năm 2025 |
| 2.2 | Kiểm tra, đôn đốc các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đẩy nhanh tiến độ đầu tư để sớm tạo ra mặt bằng thu hút các dự án thứ cấp | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Năm 2025 |
| 2.3 | Tiếp tục tham mưu, đôn đốc các dự án ngừng hoạt động sớm tái cấu trúc, tái đầu tư để hoạt động sản xuất | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Năm 2025 |
| 2.4 | Tham mưu tổ chức hội nghị kết nối, liên kết đầu tư phát triển trồng rừng sản xuất gỗ lớn gắn với chế biến gỗ và thị trường trên địa bàn tỉnh | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Quý III/2025 |
| 2.5 | Xây dựng chính sách về khuyến công (Nghị quyết quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn) | Sở Công Thương | Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Quý II/2025 |
| 2.6 | Kiểm tra, tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 11/12/2018 của Ủy ban nhân dân về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm phát triển bền vững sản phẩm rượu men lá truyền thống tỉnh Bắc Kạn | Sở Công Thương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Quản lý thị trường,…; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Năm 2025 |
| 2.7 | Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 15/5/2020 của Tỉnh ủy Bắc Kạn Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành | Tháng 3/2025 |
| 2.8 | Báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 6/2025 |
| 2.9 | Báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 7/2025 |
| 2.10 | Báo cáo phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 (bao gồm dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương) | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 11 và 12/2025 |
| 2.11 | Quyết định ban hành Quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Sau khi Nghị định thay thế Nghị định 15/2021/NĐ-CP có hiệu lực |
| 2.12 | Quyết định ban hành Quy định phân cấp về quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Sau khi Nghị định thay thế Nghị định 15/2021/NĐ-CP có hiệu lực |
| 2.13 | Quyết định ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 9/2025 |
| 2.14 | Quyết định điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 12/2025 |
| **3** | **Phát triển dịch vụ, du lịch** |  |  |  |
| 3.1 | Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về nội dung và mức hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành | Tháng 6/2025 |
| 3.2 | Triển khai các nhiệm vụ phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành | Quý III, IV/2025 |
| 3.3 | Nhân rộng mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm tại 03 chợ | Sở Công Thương | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Quý III, IV/2025 |
| 3.4 | Quyết định phân cấp quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Sở Công Thương | Các sở, ban, ngành | Quý III/2025 |
| 3.5 | Kế hoạch tổ chức Tuần Văn hóa - Du lịch Bắc Kạn năm 2025 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan | Quý II/2025 |
| 3.6 | Tổ chức hội nghị điểm đến du lịch tại thành phố lớn (dự kiến Tây Nam Bộ) | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan | Quý III/2025 |
| 3.7 | Tham gia Chương trình liên kết phát triển du lịch các tỉnh Đông Bắc và Thành phố Hồ Chí Minh | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Tỉnh Lạng Sơn | Cả năm |
| 3.8 | Tham gia Chương trình du lịch “Qua những miền di sản Việt Bắc” lần thứ XVI tại tỉnh Cao Bằng | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Tỉnh Cao Bằng | Quý II + III/2025 |
| **4** | **Phát triển doanh nghiệp - hợp tác xã - Xúc tiến đầu tư** |  |  |  |
| 4.1 | Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2024 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 3/2025 |
| 4.2 | Tổ chức đối thoại doanh nghiệp, nhà đầu tư năm 2025 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 6/2025 |
| 4.3 | Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2026 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Quý III/2025 |
| 4.4 | Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2026 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 11/2025 |
| **5** | **Tài chính - tín dụng** |  |  |  |
| 5.1 | Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2024, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025 | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 6/2025 |
| 5.2 | Báo cáo đánh giá về tình hình thu chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm 2025; nhiệm vụ chủ yếu 06 tháng cuối năm | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 6/2025 |
| 5.3 | Xây dựng Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2026 của tỉnh Bắc Kạn | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan | Tháng 12/2025 |
| 5.4 | Xây dựng Nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Kạn cho thời kỳ ổn định ngân sách mới bắt đầu từ năm 2026 | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan | Tháng 12/2025 |
| 5.5 | Xây dựng Nghị quyết về kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2026 - 2030 | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan | Tháng 12/2025 |
| 5.6 | Báo cáo về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026; kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2026 - 2028 | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 12/2025 |
| 5.7 | Báo cáo về quyết toán ngân sách địa phương năm 2024 tỉnh Bắc Kạn | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 12/2025 |
| 5.8 | Báo cáo về tình hình thực hiện năm 2024, ước thực hiện năm 2025 và dự kiến kế hoạch năm 2026 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 12/2025 |
| 5.9 | Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025, nhiệm vụ năm 2026 | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 12/2025 |
| 5.10 | Tham mưu ban hành Chỉ thị (hoặc Kế hoạch thu) về công tác thu ngân sách năm 2025 | Cục Thuế tỉnh | Các sở, Ban ngành, địa phương, Chi cục Thuế các huyện, khu vực | Tháng 02/2025 |
| 5.11 | Tuyên truyền, hỗ trợ, đôn đốc người nộp thuế thuộc Cục Thuế tỉnh quản lý trong việc thực hiện chính sách, pháp luật thuế, đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước | Cục Thuế tỉnh | Các sở, ban ngành, địa phương, Chi cục Thuế các huyện, khu vực | Thường xuyên |
| 5.12 | Đánh giá thực hiện dự toán năm 2025, xây dựng dự toán năm 2026, kế hoạch thu giai đoạn 2026 - 2028 | Cục Thuế tỉnh | Các sở, ban ngành, địa phương, Chi cục Thuế các huyện, khu vực | Tháng 7 và tháng 10 năm 2025 |
| **6** | **Công tác quy hoạch** |  |  |  |
| 6.1 | Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 10/2025 |
| 6.2 | Quyết định phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, tỉnh Bắc Kạn | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 9/2025 |
| 6.3 | Quyết định phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030 | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 02/2025 |
| 6.4 | Quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố Bắc Kạn đến năm 2045 | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 8/2025 |
| 6.5 | Quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vân Tùng, huyện Ngân Sơn giai đoạn 2021 - 2030, định hường đến năm 2050 | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 10/2025 |
| 6.6 | Quyết định phê duyệt Quy chế quản lý kiến trúc đô thị và điểm dân cư nông thôn tại khu vực di tích quốc gia đặc biệt | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 6/2025 |
| 6.7 | Quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái hồ Nặm Cắt | Sở Xây dựng | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Dự kiến  tháng 7/2025 |
| **III** | **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực - phát triển khoa học công nghệ** |  |  |  |
| **1** | **Lao động, đào tạo nghề** |  |  |  |
| 1.1 | Tổng kết Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 11/2025 |
| 1.2 | Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho người lao động, triển khai các giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn, ưu tiên giải quyết việc làm thông qua chính sách việc làm công | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Thường xuyên trong năm 2025 |
| 1,3 | Tổ chức thực hiện đưa lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Quý III  năm 2025 |
| **2** | **Giáo dục, đào tạo** |  |  |  |
| 2.1 | Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 02/2025 |
| 2.2 | Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 4/2025 |
| 2.3 | Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định kinh phí hỗ trợ thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 5/2025 |
| 2.4 | Xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt định mức kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 9/2025 |
| 2.5 | Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách học bổng khuyến khích học tập cho học sinh giỏi Trường Trung học phổ thông Chuyên Bắc Kạn; khen, thưởng cho học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế, khu vực quốc tế và giáo viên có học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế, khu vực quốc tế trên địa bàn tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 12/2025 |
| 2.6 | Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Bắc Kạn quản lý | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 12/2025 |
| 2.7 | Chỉ đạo tổ chức mua sắm thiết bị dạy học | Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Các sở, ban, ngành liên quan | Hoàn thành chậm nhất trong Quý II năm 2025 |
| **3** | **Khoa học và công nghệ** |  |  |  |
| 3.1 | Tổng kết Đề án khung các nhiệm vụ khoa học và công nghệ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện từ năm 2021 đến năm 2025 | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Quý II/2025 |
| 3.2 | Tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16/4/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước | Sở Khoa học và Công nghệ | Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Quý III/2025 |
| **IV** | **Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội** |  |  |  |
| **1** | **Văn hóa, thể dục, thể thao** |  |  |  |
| 1.1 | Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 125 năm Ngày thành lập tỉnh Bắc Kạn; tổ chức các hoạt động kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025). | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố | Tháng 02 - 4/2025 |
| 1.2 | Tổ chức Tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bắc Kạn | Ngày 23/3/2025 |
| **2** | **Y tế - chăm sóc sức khỏe Nhân dân** |  |  |  |
| 2.1 | Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm năm 2025 | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 01/2025 |
| 2.2 | Kế hoạch phòng, chống tác hại thuốc lá tỉnh Bắc Kạn năm 2025 | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 5/2025 |
| 2.3 | Kế hoạch đảm bảo tài chính cho hoạt động phòng, chống Lao giai đoạn 2026 - 2030 và chấm dứt bệnh Lao vào năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 8/2025 |
| 2.4 | Kế hoạch đảm bảo tài chính cho hoạt động chống HIV/AIDS giai đoạn 2026 - 2030 và thực hiện chiến lược Quốc gia chấm dứt bệnh AIDS vào năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 10/2025 |
| 2.5 | Chỉ đạo các cơ sở y tế công lập trên địa bàn đẩy nhanh tiến độ mua sắm, đấu thầu đảm bảo cung ứng đủ thuốc, thiết bị y tế, vật tư, hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh | Sở Y tế | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Hoàn thành chậm nhất trong Quý II năm 2025 |
| **3** | **An sinh xã hội** |  |  |  |
| 3.1 | Đẩy mạnh công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội và thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Bảo hiểm Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Thường xuyên trong năm 2025 |
| 3.2 | Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 12/2025 |
| 3.3 | Hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Năm 2025 |
| 3.4 | Đẩy mạnh việc thực hiện các công trình cấp điện nông thôn cho các thôn bản chưa có điện quốc gia | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Các sở, ban, ngành | Năm 2025 |
| **4** | **Công tác thông tin và truyền thông** |  |  |  |
| 4.1 | Báo cáo công tác thông tin đối ngoại | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 6, 11/2025 |
| 4.2 | Kế hoạch công tác thông tin đối ngoại năm 2026 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 10/2025 |
| 4.3 | Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh, tích hợp các trang thông tin điện tử của các đơn vị trực thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh thành trang thành phần của Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 3, 4, 5/2025 |
| 4.4 | Tổ chức Hội nghị cung cấp thông tin cho báo chí ít nhất 01 cuộc/quý | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 3, 6, 9, 12/2025 |
| 4.5 | Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số tỉnh năm 2026 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 12/2025 |
| 4.6 | Xây dựng và triển khai Chiến lược dữ liệu tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 3,6,9,12/2025 |
| 4.7 | Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn, phiên bản 3.0 | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 3, 4, 5/2025 |
| 4.8 | Dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Năm 2025 |
| 4.9 | Xây dựng quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Bắc Kạn | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Năm 2025 |
| 4.10 | Xây dựng kế hoạch ngầm hóa mạng cáp viễn thông tại địa phương | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Quý II/2025 |
| **5** | **Dân tộc, tôn giáo** |  |  |  |
| 5.1 | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 | Ban Dân tộc | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 02/2025 |
| 5.2 | Kế hoạch tổ chức giám sát đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2025 | Ban Dân tộc | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 02/2025 |
| 5.3 | Kế hoạch tổ chức biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín thuộc Nội dung 1 Tiểu dự án 1 Dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn năm 2025 | Ban Dân tộc | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 02/2025 |
| 5.4 | Báo cáo về công tác dân tộc (trình các kỳ họp thường lệ Hội đồng nhân dân tỉnh) | Ban Dân tộc | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 6 và tháng 11/2025 |
| 5.5 | Tổng kết đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 | Ban Dân tộc | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Theo hướng dẫn của Trung ương |
| **V** | **Tài nguyên và môi trường** |  |  |  |
| 1 | Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 15/02/2025 |
| 2 | Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 12/2025 |
| 3 | Xây dựng bảng giá đất lần đầu áp dụng từ 01/01/2026 (theo Luật Đất đai năm 2024) | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 12/2025 |
| 4 | Đấu giá quyền khai thác khoáng sản | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Năm 2025 |
| **VI** | **Công tác nội chính** |  |  |  |
| **1** | **Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền** |  |  |  |
| 1.1 | Xây dựng kế hoạch khắc phục các chỉ số PARINDEX, SIPAS, PAPI năm 2024 và nâng cao chỉ số PARINDEX, SIPAS, PAPI năm 2025 | Sở Nội vụ | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư | Khi Bộ Nội vụ công bố chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX), chỉ số hài lòng (SIPAS) và chỉ số quản trị hành chính công (PAPI) cấp tỉnh năm 2024 |
| 1.2 | Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2026 | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện | Sau khi Ban Tổ chức Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành quyết định giao biên chế cho khối chính quyền tỉnh năm 2026 |
| **2** | **Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng** |  |  |  |
| 2.1 | Văn bản chỉ đạo tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Thanh tra tỉnh | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 01/2025 |
| 2.2 | Văn bản chỉ đạo tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác thanh tra và việc thực hiện kết luận thanh tra trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | Thanh tra tỉnh | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 01/2025 |
| 2.3 | Kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2025 | Thanh tra tỉnh | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Quý I/2025 |
| 2.4 | Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 2025 | Thanh tra tỉnh | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Tháng 01/2025 |
| 2.5 | Kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024 | Thanh tra tỉnh | Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Căn cứ thời gian ban hành Bộ chỉ số hướng dẫn của Thanh tra Chính Phủ |
| **3** | **Công tác Tư pháp** |  |  |  |
| 3.1 | Quyết định Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2024 | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành | Tháng 01/2025 |
| 3.2 | Quyết định ban hành Quy chế phối hợp để thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành | Quý IV/2025 |
| **VII** | **Quốc phòng - an ninh** |  |  |  |
| 1 | Thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân năm 2025 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương | Tháng 02/2025 |
| 2 | Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương | Năm 2025 |
| 3 | Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống lực lượng Dân quân tự vệ (28/3/1935 - 28/3/2025) | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương | Quý I/2025 |
| 4 | Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương | Năm 2025 |
| 5 | Tập huấn, huấn luyện, luyện tập cho các lực lượng | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương | Năm 2025 |
| 6 | Huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên lực lượng dự bị động viên | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương | Quý II - Quý IV năm 2025 |
| 7 | Tờ trình Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và quy định một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2026 - 2030 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương | Năm 2025 |
| 8 | Triển khai Luật Phòng thủ dân sự, Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương | Năm 2025 |
| 9 | Kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh, an toàn trước, trong và sau khi diễn ra Đại hội Đảng bộ các cấp | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương | Năm 2025 |
| 10 | Kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2025 | Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành, địa phương | Tháng 02/2025 |
| 11 | Kế hoạch công tác tuyên truyền, bảo vệ và đấu tranh về nhân quyền năm 2025 | Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành, địa phương | Tháng 02/2025 |
| 12 | Kế hoạch triển khai chương trình phòng, chống tội phạm năm 2025 | Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành, địa phương | Tháng 02/2025 |
| 13 | Kế hoạch triển khai công tác phòng, chống mua bán người năm 2025 | Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành, địa phương | Tháng 02/2025 |
| 14 | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh năm 2025 | Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành, địa phương | Tháng 3/2025 |
| 15 | Kế hoạch công tác phòng, chống khủng bố năm 2025 | Công an tỉnh | Các sở, ban, ngành, địa phương | Tháng 3/2025 |